

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỨC TỬ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỨC TỬ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702906584

**3. Ngày thành lập:** 28/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

01 đường Phạm Hữu Lầu, Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gia dụng. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng trang trí nội - ngoại thất. Bán buôn mỹ phẩm | 4649        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan; Giao nhận hàng hóa.                                                                          | 5229        |
| 3.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật liệu nội thất (không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                   | 3290        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                      | 4663        |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 6.  | Tái chế phế liệu<br>(không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                            | 3830        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp, chuẩn bị mặt bằng.                                                                                                                                                   | 4312        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                      | 4321        |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác: bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm, inox (trừ phế thải kim loại).                                                    | 4662        |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán).                                                                                                                                                 | 7020        |
| 11. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).                                                                                        | 6619(Chính) |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                          | 4651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                          | 4652                                                         |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                             | 4659                                                         |
| 15. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.                                                                                                                                                                     | 6312                                                         |
| 16. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                         | 4511                                                         |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                              | 7730                                                         |
| 18. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                | 2814                                                         |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                | 3312                                                         |
| 20. | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                                                                                                              | 4101                                                         |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                | 4212                                                         |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                               | 4211                                                         |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                         | 4222                                                         |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                          | 4223                                                         |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                      | 4311                                                         |
| 26. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                              | 4329                                                         |
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                         | 4390                                                         |
| 28. | Cho thuê xe có động cơ<br>chi tiết: cho thuê ô tô, cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                                                                              | 7710                                                         |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới kết hôn, nhận cha mẹ con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài)                                                                                           | 4610                                                         |
| 30. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MAI ĐỨC TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183836579

Ngày cấp: 17/01/2017

Nơi cấp: CÔNG AN HÀ TĨNH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Văn, Xã Thạch Văn, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 01 đường Phạm Hữu Lầu, Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương